

# Bảng thông số sản phẩm

Thông số kỹ thuật



ammeter AMP PowerLogic - 96 x 96 - ferromagnetic - for motor feeder

16073

## Main

|                           |                                              |
|---------------------------|----------------------------------------------|
| Range                     | PowerLogic                                   |
| Device Short Name         | AMP                                          |
| Product Or Component Type | Ammeter                                      |
| Device Application        | Motor                                        |
| Range Compatibility       | Prisma Prisma P door<br>Prisma Prisma G door |
| Technology Type           | Ferromagnetic                                |
| Scale Type                | 80 mm over 90°                               |
| Mounting Support          | Front face                                   |

## Complementary

|                         |                                   |
|-------------------------|-----------------------------------|
| Type Of Measurement     | Current                           |
| Accuracy Class          | Class 1.5                         |
| Power Consumption In Va | 1.1 VA                            |
| Power Consumption In Va | 1.1 VA                            |
| Overload Withstand      | 1.2 In, permanently<br>10 In, 5 s |
| Device Mounting         | Flush                             |
| Operating Position      | 30°/vertical                      |
| Width                   | 96 mm                             |
| Height                  | 96 mm                             |
| Depth                   | 75 mm                             |
| Temperature Drift       | +/- 0.003 %/°C                    |

## Environment

|                                       |                                           |
|---------------------------------------|-------------------------------------------|
| Standards                             | IEC 61010-1<br>IEC 61000-4<br>IEC 60051-1 |
| Ip Degree Of Protection               | IP52                                      |
| Ambient Air Temperature For Operation | -25...50 °C                               |
| Reference Temperature                 | 23 °C                                     |

## Packing Units

|                        |     |
|------------------------|-----|
| Unit Type Of Package 1 | PCE |
|------------------------|-----|

Miễn trừ trách nhiệm: Tài liệu này không nhằm thay thế và không được sử dụng để xác định tính phù hợp hoặc độ tin cậy của các sản phẩm này cho các ứng dụng người dùng cụ thể

|                              |          |
|------------------------------|----------|
| Number Of Units In Package 1 | 1        |
| Package 1 Height             | 12.0 cm  |
| Package 1 Width              | 12.0 cm  |
| Package 1 Length             | 13.0 cm  |
| Package 1 Weight             | 268.0 g  |
| Unit Type Of Package 2       | S03      |
| Number Of Units In Package 2 | 12       |
| Package 2 Height             | 30 cm    |
| Package 2 Width              | 30 cm    |
| Package 2 Length             | 40 cm    |
| Package 2 Weight             | 3.703 kg |

## Contractual warranty

|          |           |
|----------|-----------|
| Warranty | 18 months |
|----------|-----------|

Bền vững



Nhãn **Green Premium™** là cam kết của Schneider Electric trong việc cung cấp sản phẩm với hiệu suất môi trường tốt nhất. Green Premium cam kết tuân thủ các quy định mới nhất, minh bạch về tác động môi trường, cũng như các sản phẩm tuần hoàn và CO<sub>2</sub> thấp.

**Hướng dẫn đánh giá tính bền vững của sản phẩm** là tài liệu kỹ thuật phổ thông giúp làm rõ các tiêu chuẩn nhãn sinh thái toàn cầu và cách diễn giải việc khai báo môi trường.

[Tìm hiểu thêm về Green Premium >](#)

[Hướng dẫn đánh giá về sự bền vững của sản phẩm >](#)



Minh bạch    RoHS/REACH

## Hiệu suất sức khỏe

 Mercury Free

 Rohs Exemption Information    [Yes](#)

## Chứng nhận & Tiêu chuẩn

|                          |                                                                                                                             |
|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Reach Regulation         | <a href="#">REACH Declaration</a>                                                                                           |
| Eu Rohs Directive        | Compliant with Exemptions                                                                                                   |
| China Rohs Regulation    | <a href="#">China RoHS declaration</a>                                                                                      |
| Environmental Disclosure | <a href="#">Product Environmental Profile</a>                                                                               |
| Weee                     | The product must be disposed on European Union markets following specific waste collection and never end up in rubbish bins |
| Circularity Profile      | <a href="#">End of Life Information</a>                                                                                     |